

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 14/4/2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý K về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 6c/6 đường Đ, phường 24, quận B, thành phố H;

Đại diện theo uỷ quyền của ông T: Anh Nguyễn Khắc A, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh H;

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1940 (chết ngày 24/8/2022).

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn*:

+ Ông Nguyễn Quốc Th1, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Ngách 18/5, ngõ 18, đường Ngọc Trì, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1942;

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn*:

+ Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

+ Anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 69/6/2 đường 138, phường T, thành phố T, TP. H;

Đại diện theo uỷ quyền của bà Th2, anh C theo văn bản uỷ quyền ngày 18/5/2021, 29/10/2021: Chị Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

* *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn:*

+ Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

+ Chị Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

+ Anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 69/6/2 đường 138, phường T, thành phố T, TP. H;

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 27/2A đường D, phường P, TP. T, TP. H;

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 27/2 đường D, phường P, TP. T, TP. H;

Đại diện theo uỷ quyền của bà Th2, anh C, anh M, anh D theo văn bản uỷ quyền ngày 18/5/2021, 29/10/2021, 18/01/2023: Chị Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hàng thừa kế:

- Các con của cụ L, cụ K là hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế gồm 05 người con: Ông Nguyễn Quốc Th1, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị M. Cụ L, cụ K không có con nuôi, không có con riêng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Th chết ngày 24/8/2022 và chết sau cụ L, cụ K nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn được hưởng phần di sản được chia cho ông Th gồm: Bà Trần Thị Th2 là vợ ông Th, chị Nguyễn Thị Th3, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quang C là các con của ông Th với bà Th2. Ông Th, bà Th2 không có con nuôi, không có con riêng.

2.2. Về di sản thừa kế: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn thống nhất xác định: Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn L (chết năm 2000 không có di chúc), cụ Trần Thị K (chết năm 2004 có di chúc) để lại là 1.291.3m² đất. Theo bản đồ lập năm 1998 gồm các thửa 33, 38, 39, 40, tờ bản đồ số 41; theo bản đồ VLAP lập năm 2014 gồm các thửa 57, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 43, có địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H. Trong đó, đất ở là 920,6m² (trị giá 3.840.000đ/m² x 920,6m² = 3.535.104.000đ); đất ao là 370,7m² (trị giá 80.000đ/m² x 370,7m² = 29.656.000đ), tổng giá trị di sản thừa kế của cụ L, cụ K chết để lại là 3.564.760.000đ. Ngoài ra, còn các tài sản, công trình, cây trồng, công san lấp vượt lập đất mà vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị Th2 tạo lập trên đất di sản thừa kế của cụ L, cụ K nhưng các đương sự tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. 3. Về phân chia di sản thừa kế:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn đều xác định cụ L chết năm 2000 không để lại di chúc, cụ K chết năm 2004 có để lại di chúc nhưng các bên đương sự tự nguyện thoả thuận thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với di chúc của cụ K lập ngày 17/4/2004 mà đề nghị Tòa án phân chia toàn bộ di sản thừa kế của cụ L, cụ K chết để lại theo pháp luật.

- Về đất: Di sản thừa kế của cụ L, cụ K chết để lại là 1.291.3m² đất sẽ chia đều cho 05 người con, gồm: Ông Nguyễn Quốc Th1, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M. Ký phần của ông Th1, bà N, bà M được nhận tự nguyện tặng cho ông T, ông T nhận và tự nguyện nhập toàn bộ 04 ký phần (của ông T, ông Th1, bà N, bà M) với ký phần của bị đơn ông Nguyễn Văn Th được hưởng để chia cho ông T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Th.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn tự nguyện thoả thuận thống nhất áng trích trả công sức bảo quản và quản lý di sản cho ông Th, bà Th2 bằng diện tích 122,5m² đất ở (trị giá 122,5m² x 3.840.000đ/m² = 470.400.000 đồng) trong tổng số 1.291.3m² đất. Diện tích 1.168.8m² đất còn lại các bên đương sự tự thoả thuận phân chia cho ông T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Th, cụ thể như sau:

+ Chia cho ông Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 616,3m² đất, ký hiệu T3, có địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H. Diện tích đất có kích thước: Phía Đông giáp đường nhựa, có các điểm BC dài 13.8m; phía tây giáp đất công, có các điểm FG dài 14m; phía nam giáp đất công, có các điểm CDEF, dài (24.08 + 3 + 23.91)m; phía bắc giáp đất giao cho ông Th, có các điểm BG dài (2.56 + 33.40 + 6.85)m. Trong đó, có 437m² đất ở, ký hiệu T3, trị giá (437m² x 3.840.000đ/m² = 1.678.080.000đ); có 179.3m² đất nuôi trồng thủy sản, ký hiệu A2, trị giá (179.3m² x 80.000đ/m² = 14.344.000đ).

Tổng giá trị di sản ông T được nhận là 1.692.424.000 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

+ Chia cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn gồm: Bà Trần Thị Th2, chị Nguyễn Thị Th3, anh Nguyễn Quang C, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn M được quyền quản lý, sử dụng (do bà Trần Thị Th2 đại diện quản lý, sử dụng) diện tích 552,5m², ký hiệu T2, có địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H. Đất có kích thước: Phía Đông giáp đường nhựa, có các điểm AB, dài 13.81m; phía tây giáp đất công, có các điểm GH, dài 14.28m; phía bắc giáp đất áng trích trả công sức cho ông Th, bà Th2, có các điểm ALH, dài (14.31 + 24.09)m; phía nam giáp đất giao cho ông T, có các điểm BG, dài (2.56 + 33.40 + 6.85)m. Trong đó, có 361.1m² đất ở, ký hiệu T2, trị giá là 361.1m² x 3.840.000đ/m² = 1.386.624.000 đồng; có 191.4m² đất nuôi trồng thủy sản, ký hiệu A1, trị giá là 191.4m² x 80.000đ/m² = 15.312.000 đồng.

Giá trị di sản phân chia cho ông Th mà những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Th được hưởng là 1.401.936.000 đồng.

Các bên đương sự thoả thuận, mặc dù giá trị phần di sản ông T được nhận là 1.692.424.000 đồng nhiều hơn giá trị phần di sản những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Th được nhận là 1.401.936.000 đồng (chênh lệch 290.488.000 đồng) nhưng đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn tự nguyện không yêu cầu nguyên đơn ông T phải trả giá trị phần chênh lệch cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn tự nguyện nhập phần diện tích 122,5m² đất trích trả công sức bảo quản và quản lý di sản của ông Th, bà Th2 với phần diện tích 552,5m² đất di sản phân chia cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Th được hưởng thành một thửa, giao cho bà Trần Thị Th2 đại diện quản lý, sử dụng và để bà Th2 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Như vậy, chia cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn gồm: Bà Trần Thị Th2, chị Nguyễn Thị Th3, anh Nguyễn Quang C, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn M (do bà Trần Thị Th2 đại diện quản lý, sử dụng) thửa đất có diện tích là 675m², có địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H. Đất có kích thước: Phía đông giáp đường nhựa, có các điểm BA, dài 13.81m + giáp đất ông Th1, có các điểm LM, dài 5.12m; phía tây giáp đất công, có các điểm GHI, dài (14.28 + 5.12)m; phía bắc giáp đất ông Th1, có các điểm IKNM, dài (3.29 + 16.67 + 3.82)m + các điểm LA, dài 14.31m; phía nam giáp đất giao cho ông T, có các điểm BG, dài (2.56 + 33.40 + 6.85)m. Trong đó, có 483,6m² đất ở (122.5m² + 361.1m²), ký hiệu T1 + T2, có 191,4m² đất nuôi trồng thủy sản, ký hiệu A1.

Tổng giá trị tài sản bà Trần Thị Th2, chị Nguyễn Thị Th3, anh Nguyễn Quang C, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn M được hưởng (do bà Trần Thị Th2 đại diện quản lý, sử dụng) là 1.872.336.000 đồng. (một tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn không yêu cầu Toà án phân chia tài sản này mà để những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn tự thoả thuận phân chia sau.

Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Th2 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền hoàn tất các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

+ Đối với diện tích đất đòi ra so với bản đồ, sổ mục kê lập năm 1998 và năm 2014 là do lấn chiếm đất công: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn có quan điểm nhất trí sẽ có nghĩa vụ tháo dỡ phần tài sản, di dời công trình, cây trồng trên phần đất lấn chiếm và trả lại phần diện tích đất công đã lấn chiếm khi nhà nước yêu cầu.

- Về tài sản trên đất gồm: Nhà, tài sản, công trình xây dựng, cây trồng trên đất.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn tự nguyện thống nhất không yêu cầu Toà án xem xét, giải

quyết. Khi phân chia đất, nhà, tài sản, công trình, cây trồng nằm trên phần đất của ai được phân chia thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng.

(có sơ đồ phân chia đất và sơ đồ về tài sản, công trình, cây trồng trên phần đất của ông T, ông Th được phân chia kèm theo)

- Về án phí:

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chịu 31.386.360đ (ba mươi một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0003834 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, ông Nguyễn Hữu T còn phải nộp 27.386.360đ (hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Trần Thị Th2 là người đại diện quản lý, sử dụng toàn bộ di sản của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn được hưởng tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền 34.085.040đ (ba mươi bốn triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q